

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1 CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...16../GPMT-UBND

Quận 1, ngày 01 tháng 01 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường

Căn cứ Quyết định số 4936/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Quận 1 về phân công nhiệm vụ Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 1;

Căn cứ Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Quận 1 về Thành lập Tổ kiểm tra cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Khu văn phòng Kinh doanh Dịch vụ Ô tô và Nhà đậu xe cao tầng”;

Xét ý kiến của Tổ kiểm tra cấp giấy phép môi trường Cơ sở “Khu văn phòng Kinh doanh Dịch vụ Ô tô và Nhà đậu xe cao tầng” do Tổng Công ty cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn – TNHH MTV làm chủ đầu tư tại biên bản khảo sát thực tế tại khu vực dự án, biên bản kiểm tra cấp giấy phép môi trường và biên bản họp tổ kiểm tra cấp giấy phép môi trường của cơ sở ngày 10 tháng 01 năm 2025;

Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Khu văn phòng Kinh doanh Dịch vụ Ô tô và Nhà đậu xe cao tầng” của Tổng công ty cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn – TNHH MTV và các hồ sơ kèm theo;

[Handwritten signature]

Xét ý kiến của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số *M1* /TTr-TNMT ngày *M1* tháng *01* năm 2025 về việc cấp giấy phép môi trường Tổng công ty cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn – TNHH MTV, tại địa chỉ số 262 - 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Khu văn phòng Kinh doanh Dịch vụ Ô tô và Nhà đậu xe cao tầng”.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Tổng Công ty Cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn – TNHH MTV, địa chỉ văn phòng: Số 262 – 264 Đường Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “*Khu văn phòng Kinh doanh Dịch vụ Ô tô và Nhà đậu xe cao tầng*”, địa chỉ số 326 Võ Văn Kiệt, Phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư/cơ sở: “*Khu văn phòng Kinh doanh Dịch vụ Ô tô và Nhà đậu xe cao tầng*”

1.2. Địa điểm hoạt động: 326 Võ Văn Kiệt, Phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh: 0300481551-006

- Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh mã số: 0004

1.4. Mã số thuế: 0300481551-006

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu văn phòng kinh doanh dịch vụ ô tô (Trung bày và mua bán xe; Dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng xe ô tô) và nhà đậu xe cao tầng

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư: dự án được thực hiện tại địa chỉ số 326 Võ Văn Kiệt, Phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Quy mô của dự án:

+ Tổng diện tích đất: 13.229,9 m²

+ Tổng diện tích xây dựng của dự án: 8.879,9 m²

+ Tổng diện tích đất còn lại của Xí nghiệp Công nghiệp và Dịch vụ Ô tô - Xưởng Cô Giang: 4.350 m²

+ Dự án có tiêu chí phân loại dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất hoạt động tối đa ước tính:

+ Bán xe ô tô Toyota: 05 chiếc/ngày.

+ Dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng xe ô tô: 200 chiếc/ngày.

+ Xe ô tô tại bãi đậu xe ở các tầng: 630 chiếc/ngày.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chủ Cơ sở, Dự án có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 22 tháng 01 năm 2025 đến ngày 22 tháng 01 năm 2035).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 1 tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- Tổng Công ty Cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn – TNHH MTV ;
- Cổng Thông tin điện tử của UBND Quận 1;
- Lưu: VT, TNMT. (05).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Vũ Nguyễn Quang Vinh

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ
NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 16.../GPMT-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2025
của Ủy ban nhân dân Quận 1)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên, khách hàng đến tham quan tại Cơ sở;
- + Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ quá trình bảo trì, bảo dưỡng xe ô tô;
- + Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ việc vệ sinh cái hệ thống xử lý khí thải;
- + Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ nhà ăn;
- + Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ việc vệ sinh nhà xưởng, vệ sinh các thùng chứa CTR;

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: công chung thành phố trên đường Võ Văn Kiệt, Phường Cô Giang, Quận 1.

2.2. Vị trí xả nước thải: Khuôn viên Khu Văn phòng Kinh doanh Dịch vụ Ô tô và Nhà đậu xe cao tầng địa chỉ số 326 Võ Văn Kiệt, Phường Cô Giang, Quận 1, TP.HCM.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3⁰): X (m): 1.190.144; Y (m): 603.081

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 85 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước: Bơm đẩy ra công ngầm nội bộ, sau đó ra công chung Thành phố.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT (cột B, hệ số $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	--	5,5 – 9	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	49,5		
3	COD	mg/l	148,5		

VNM

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
4	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	99		phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
5	Clo dư Cl ₂	mg/l	1,98		
6	Chì (Pb)	mg/l	0,495		
7	Kẽm (Zn)	mg/l	2,97		
8	Sắt tổng (Fe)	mg/l	4,95		
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	9,9		
10	Tổng nitơ	mg/l	39,6		
11	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	5,94		
12	Amoni (tính theo N)	mg/l	9,9		
13	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5.000		

Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

1.1.1. Mạng lưới thu gom, thoát nước mưa

- Hệ thống nước mưa bao gồm các mương, rãnh thoát nước kín xây dựng xung quanh Cơ sở, tập trung nước mưa từ trên mái đổ xuống và dẫn đến hệ thống cống hở có nắp đan đập bằng bê tông cốt thép dùng cho việc thoát nước mưa đặt dọc theo các con đường nội bộ có kích thước D300 – D400, các đoạn qua đường dùng cống ngầm chịu lực. Nước mưa trên các khu vực sân bãi và đường nội bộ sẽ chảy vào các hố thu nước mưa xây dựng dọc theo lề đường, khoảng 30m có 1 hố thu. Tại các hố thu nước mưa sẽ có bộ phận chắn rác trước khi vào hệ thống cống và thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

1.1.2 Mạng lưới thu gom, xử lý nước thải:

1.1.2.1. *Biện pháp thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:*

- Nước thải sản xuất phát sinh được thu gom bằng hệ thống mương hở thu nước, chiều rộng 300mm, nắp đan lưới thép, độ dốc $i = 1\%$ dẫn về hệ thống XLNT tập trung.
- Nước thải sinh hoạt: Đối với nước thải phân và nước tiểu được thu gom bằng ống nhựa PVC D114 đến bể tự hoại 3 ngăn. Nước thải sau khi ra khỏi bể tự hoại 3 ngăn sẽ được đầu nối bằng ống nhựa PVC D114, độ dốc $i = 0,02$ dẫn đến hố ga thu gom nước thải của HTXLNT. Đối với nước thải từ chậu rửa, nhà tắm sẽ qua lưới chắn rác và được thải trực tiếp vào hố ga thu gom nước thải của HTXLNT.
- Nước thải vệ sinh nhà xưởng, vệ sinh thùng chứa CTR được dẫn trực tiếp về HTXLNT.
- Nước thải từ quá trình vệ sinh hệ thống xử lý khí thải được dẫn trực tiếp về HTXLNT.
- Nước thải sau khi được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất $85 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$) sẽ được dẫn vào hố ga cuối cùng sau đó được bơm đẩy ra cống ngầm nội bộ, sau đó thoát vào hệ thống thoát nước chung của thành phố.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sản xuất:

- Công suất hệ thống xử lý nước thải tập trung: $85 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$
- Tóm tắt quy trình xử lý:

(1) : Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 03 ngăn

(2): Nước thải nhà ăn → Bể tách dầu

(3): Nước thải sản xuất (nước thải từ quá trình bảo trì bảo dưỡng, nước rửa xe, nước vệ sinh nhà xưởng, vệ sinh hệ thống xử lý khí thải) → hố thu gom 1 → Bể tuyển nổi dầu

(4) Nước thải tại (1) + (2) → Hố thu gom 2

Nước thải tại Hố thu gom 2 (4) + Nước thải sau khi xử lý bằng bể tuyển nổi dầu (3) → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Lọc thô → Nguồn tiếp nhận cống thoát chung của Thành phố.

- Hóa chất sử dụng: Chlorine, hóa chất khử trùng

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Để phòng chống sụt lún, nứt vỡ các đường ống cấp, thoát nước, Chủ đầu tư tiến hành kiểm tra định kỳ các đoạn ống xung yếu, tiến hành gia cố các đoạn ống có nguy cơ nứt vỡ, nhất là ở các đoạn đường lún.

MU

- Để phòng chống tắt nghẽn rác, bùn cát các đường ống cấp, thoát nước, Chủ đầu tư sẽ tiến hành thực hiện các biện pháp: tiến hành khơi thông cống rãnh, nạo vét bùn định kỳ; tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, công nhân viên không để vứt rác bừa bãi; thường xuyên quét dọn mặt đường, dọn rác các khu vực xung quanh văn phòng.

- Để phòng ngừa các sự cố có thể xảy ra cho trạm xử lý nước thải, Chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp sau:

+ Kiểm tra thường xuyên hệ thống thông khí bể tự hoại và trong các bể nước thải
+ Thông hút bể tự hoại định kỳ
+ Thiết kế vận hành tốt hệ thống sục khí trong quá trình xử lý hiếu khí để hạn chế tối đa việc hình thành các vùng yếm khí trong nước thải, tránh tạo ra khí mê-tan không mong muốn.

+ Kiểm soát tốt tuần hoàn bùn hoạt tính và bùn dư sẽ giảm thiểu lượng bùn thải xử lý dẫn tới giảm lượng chất hữu cơ trong bùn bị phân hủy yếm khí trong quá trình xử lý bùn, giảm lượng khí mê-tan phát sinh.

+ Kiểm tra bồn chứa hóa chất thường xuyên để tránh hiện tượng rò rỉ, phát nổ bồn hóa chất.

+ Kiểm tra thường xuyên các role, không để máy bơm hoạt động trong tình trạng không có nước.

+ Duy tu bảo dưỡng thường xuyên hệ thống điện cung cấp cho trạm xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 – 06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 85 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải.
- Nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung được cấp phép tại phần A 2.3.3 Phụ lục này

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- + Nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải: 01 lần/ngày x 1 lần
- + Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải: 01 lần/ngày x 05 ngày liên tiếp
- Loại mẫu: Mẫu đơn.

- Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí (Nước thải đầu vào và nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường, không xả trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.4. Trong quá trình vận hành, khi có sự cố, chủ dự án phải khắc phục ngay lập tức, báo cáo cho cơ quan chức năng kịp thời xử lý, lập nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra và các biện pháp khắc phục.

3.5. Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

(m) Y ô b T	(m) X ô b T
202 202	101 101
202 102	101 102

Phụ lục 2
NỘI DUNG YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..16.../GPMT-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2025
của Ủy ban nhân dân Quận 1)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- + Nguồn số 01: Bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ phòng sơn sấy 1.
- + Nguồn số 02: Bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ phòng sơn nhanh 1.
- + Nguồn số 03: Bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ phòng sơn nhanh 2.
- + Nguồn số 04: Bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ phòng sơn nhanh 3.
- + Nguồn số 05: Bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ phòng sơn nhanh 4.
- + Nguồn số 06: Bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ phòng sơn 1.
- + Nguồn số 07: Bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ phòng sơn 2.
- + Nguồn số 08: Bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ phòng chà matit và sơn lót.
- + Nguồn số 09: Khí thải phát sinh từ việc sử dụng chất đốt là khí thiên nhiên (dầu DO) để vận hành máy phát điện công suất 1.000 kVA (trong trường hợp gặp sự cố mất điện).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: số 326 Võ Văn Kiệt, Phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực ..., múi chiều 3⁰):

STT	Vị trí xả khí thải	Tọa độ X (m)	Tọa độ Y (m)
1	Ống thải sau HTXL dập bụi màng nước của tất cả phòng sơn	1190 401	603 205
2	Ống thải máy phát điện	1190 373	603 169

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 60.732 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Cường bức, dùng quạt hút đẩy khí ra ngoài.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (Kp = 0,9, Kv = 0,6) và QCVN 20:2009/BTNMT, cụ thể như sau:

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục		
			QCVN 19;2009/BTNMT (CỘT B, $K_P = 0,9, K_V = 0,6$)	QCVN 20:2009/BTNMT				
I. Khí thải máy phát điện								
1	Bụi	mg/Nm ³	108	--	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)		
2	SO ₂	mg/Nm ³	270	--				
3	NO _x	mg/Nm ³	459	-				
4	CO	mg/Nm ³	540	--				
II. Khí thải phòng sơn								
5	Toluen	mg/m ³	--	750				
6	Xylen	mg/m ³	--	870				
7	n-Hexan	mg/m ³	--	450				
8	n - Butyl acetate	mg/m ³	--	950				
9	Bụi	mg/Nm ³	108	--				

Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Cơ sở đã lắp đặt ống khói có chiều cao là 35m qua khỏi tầng thượng của Khu đậu xe và bảo trì, bảo dưỡng để thải ra môi trường bên ngoài.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình xử lý:

- + Khí thải máy phát điện → ống khói → thải ra môi trường.
- + Bụi sơn và hơi dung môi: Khí thải từ khâu sơn → Tắm lọc sợi thủy tinh → Bể hấp thụ nước → quạt hút → khí sạch
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không có.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Người vận hành thiết bị phải thường xuyên kiểm tra thiết bị, phải đảm bảo các thiết bị làm việc ở trạng thái bình thường. Khi thấy có bất kỳ thiết bị nào hoạt động khác thường, phải ngay lập tức báo cho người có trách nhiệm biết để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Đảm bảo bố trí nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

- Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 18.../GPMT-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2025
của Ủy ban nhân dân Quận 1)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG: Không


1. Nguồn phát sinh:

– Tiếng ồn: Hoạt động sản xuất của Cơ sở, tiếng ồn phát sinh từ các hoạt động sản xuất, các loại máy móc thiết bị khi vận hành, từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển khi ra vào Cơ sở.

– Độ rung: Độ rung phát sinh chủ yếu từ các phương tiện vận chuyển có tải trọng lớn như xe tải và hoạt động của các thiết bị phục vụ sản xuất. Tuy nhiên, nguồn này gây tác động không lớn.

2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn:

STT	Vị trí	QCVN 26:2010/BTNMT		QCVN 24:2016/BYT	Ghi chú	Tọa độ	
		Từ 6h – 21h (dBA)	Từ 21h – 6h (dBA)			X (m)	Y (m)
1	Khu vực bảo trì bảo dưỡng	--	--	≤ 85	Môi trường lao động	1.190.372	603.152
2	Khu vực đặt máy phát điện dự phòng	--	--	≤ 85	Môi trường lao động	1.190.323	603.152
3	Khu HTXLNT	--	--	≤ 85	Môi trường lao động	1.190.322	603.143
4	Khu vực văn phòng làm việc	--	--	≤ 85	Môi trường lao động	1.190.357	603.115
5	Khu vực trước cổng ra vào văn	70	55	--	Môi trường không khí	1.190.258	603.264

	phòng tòa nhà đường Võ Văn Kiệt				xung quanh		
6	Khu vực trước cổng ra vào văn phòng tòa nhà đường Cô Giang	70	55	--	Môi trường không khí xung quanh	1.190.387	603.188

Ghi chú: + QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

+ QCVN 24:2016/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc

3. Giá trị giới hạn đối với độ rung:

STT	Vị trí	QCVB 27:2010/BTNMT		Tọa độ	
		Từ 6h – 21h (dBA)	Từ 21h – 6h (dBA)	X (m)	Y (m)
1	Khu vực bảo trì bảo dưỡng	70	60	1.190.372	603.152

Ghi chú: QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

- Tiếng ồn, độ rung sinh ra trong quá trình hoạt động của máy phát điện dự phòng (khi hoạt động) tuy nhiên máy phát điện có lớp vỏ cách âm được đặt riêng, mặt khác thời gian hoạt động rất ít và do Cơ sở có tường bao bên ngoài nên tiếng ồn sẽ ít ảnh hưởng đến môi trường quanh mà chỉ ảnh hưởng tại khu vực gây ồn.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Máy phát điện của tòa nhà được đầu tư mới 100% nên khi mua sẽ đi kèm với lớp vỏ cách âm dành riêng cho máy. Máy phát điện được đặt trong phòng cách âm với bên ngoài, nên móng đặt máy phát điện được xây dựng bằng bê tông có chất lượng cao, lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su. Khí nạp khi qua các khe phát ra tiếng ồn sẽ được giảm độ ồn nhờ bộ tiêu âm hấp thụ và điều tiết tần âm thanh.

- Các máy móc, thiết bị có tiếng ồn, rung lớn như máy bơm, biến áp,... đều được đặt trong các phòng kín (có cửa, có bảng tên) ở khu vực tầng 1 của tòa nhà, có lắp đặt các bộ phận giảm âm, lắp đặt đệm chống ồn cho máy móc, thiết bị. Các phòng này đều có tường gạch dày 200mm sẽ làm giảm bớt độ ồn trong quá trình hoạt động gây ra.

- Ngoài ra, các máy móc, thiết bị định kỳ được kiểm tra thường xuyên, sửa chữa kịp thời, bảo trì định kỳ và tra dầu mỡ để hạn chế tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của cơ sở, đảm bảo đạt các Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường theo QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan.

- Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

MM

Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../GPMT-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2025
của Ủy ban nhân dân Quận 1)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Đề nghị cấp GPMT	Phương pháp xử lý ⁽ⁱ⁾	Trạng thái tồn tại (Rắn/lỏng/bùn)
01	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	300	PT-HR	Rắn
02	Dung môi tẩy sơn hoặc vec ni thải	08 01 05	2.000	TĐ	Lỏng
03	Bùn thải lẫn dầu hoặc có các TPNH	15 02 13	3.000	TĐ	Bùn
04	Bộ phận lọc dầu đã qua sử dụng	15 01 02	2.500	TĐ	Rắn
05	Giẻ lau, bao tay, vải bảo vệ thải bị nhiễm các TPNH	18 02 01	1.000	TĐ	Rắn
06	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	200	SR-TC	Rắn
07	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	2.500	SR-TC	Rắn
08	Phế liệu nhựa, cản xe thải	15 01 09	2.000	PT	Rắn
09	Dầu thải	15 01 07	25.000	TC-TĐ	Lỏng
10	Sơn thải	08 01 01	500	TĐ	Lỏng
11	Bùn thải từ hệ thống XL nước	12 06	2.500	TĐ	Bùn

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Đề nghị cấp GPMT	Phương pháp xử lý ⁽ⁱ⁾	Trạng thái tồn tại (Rắn/lỏng/bùn)
	thả, cặn lắng, cồng rãnh	06			
12	Linh kiện điện tử	16 01 13	50	TĐ	Rắn
Tổng khối lượng			41.550		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Nhóm CTRCNTT	Đề nghị cấp GPMT (kg/năm)
1	Sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu cho quá trình sản xuất (tại cơ sở)	00
2	Tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu, nhiên liệu cho ngành sản xuất khác (chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT)	00
3	Chất thải phải xử lý	5.000
3.1.	Sắt thép dư thừa không chứa thành phần nguy hại	2.000
3.2.	Kính thải không chứa TPNH	3.000
Tổng khối lượng		5.000

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

TT	Nhóm CTRSH	Số lượng (tấn/năm)
1	Chất thải có nguồn gốc thực phẩm	110,666
2	Chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng	
3	Chất thải còn lại	
Tổng khối lượng		110,666

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Mỗi loại chất thải phát sinh bố trí 01 thùng thu gom rác thải nguy hại riêng biệt, các thùng có nắp đậy kín, được dán nhãn và mã CTNH theo quy định.

2.1.2. Khu vực lưu chứa

- Diện tích: D x R x C: 2.500 x 1.500 x 2.000mm.

- Thiết kế, cấu tạo của khu lưu chứa: được xây dựng theo đúng quy định, nền được xây bằng bê tông cao hơn cao trình xung quanh, có gờ cao để ngăn việc tràn đổ CTNH dạng lỏng ra bên ngoài.

- Định kì hằng tháng sẽ có cơ quan chức năng đến thu gom và xử lý đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Mỗi loại chất thải phát sinh bố trí 01 thùng thu gom rác thải riêng biệt, các thùng có nắp đậy kín, được dán nhãn theo quy định.

2.3.2. Khu vực tập kết:

- Diện tích: khu vực lưu chứa có diện tích là 3,75m²

- Định kỳ khi CTCNTT trong kho chứa đầy, Dự án sẽ liên hệ với đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Các thùng chứa CTR sinh hoạt được bố trí ngay tại nơi phát sinh. Định kỳ hàng ngày, nhân viên vệ sinh của văn phòng sẽ đến dọn phòng và thu gom, phân loại các loại rác thải thành 03 loại thùng. Bố trí các thùng rác phân loại mỗi tầng tại khu vực văn phòng.

2.3.2. Khu vực tập kết:

- Bố trí trước cổng ra vào nhà xưởng trên đường Cô Giang.

- Chất thải rắn sinh hoạt được chứa trong các thùng rác có nắp đậy kín, bên trong có bao nilon để thuận tiện cho quá trình thu gom, vừa tránh nước rỉ rác rỉ ra bên ngoài. Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt được ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển đến nơi xử lý hàng ngày.

2.3.3. Chất thải rắn sinh hoạt sẽ được Chủ dự án phân loại, thu gom và quản lý theo Nghị định số 08:2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Quyết định 09/2021/QĐ-UBND ngày 04/05/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố và bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật quy định phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ cơ sở phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới)

Thực hiện việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định Điều 75. Phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt của Luật bảo vệ môi trường năm 2022 (Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy

chuẩn hiện hành thì Chủ cơ sở phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới)

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, 124, 125, 126 Luật bảo vệ môi trường 2020.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải: Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý bụi, khí thải: Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý bụi, khí thải, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại: Khu lưu giữ chất thải được chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống thoát nước: Không xây dựng các công trình trên đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối van, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của cơ sở, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 16 /GPMT-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Quận 1)



1. Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.
2. Tuân thủ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
3. Tuân thủ các quy định về an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án.
4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
6. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan nhà nước kiểm tra.
7. Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về quy hoạch, lao động, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật có liên quan; có trách nhiệm thực hiện hoàn tất thủ tục pháp lý về đầu tư, đất đai theo quy định.